

Bản án số: 44/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 20/5/2022

V/v: “xin ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BA TRI, TỈNH BẾN TRE**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Mộng Tuyền

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phan Xuân Tùng

Bà Lê Thị Mỹ Lệ

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Yến Linh – Thư ký Tòa án

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Bà Dương Thy Trúc Phương – Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 5 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân sơ thẩm thụ lý số: 238/2022/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 04 năm 2022 về việc “xin ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 58/2022/QĐST-HNGĐ ngày 09 tháng 05 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Lê Thị Hồng T, sinh năm 1988.

Địa chỉ: ấp A, xã B, huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre.

- *Bị đơn:* anh Bùi Thành S, sinh năm 1985.

Địa chỉ: ấp A, xã B, huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre.

(Nguyên đơn chị T và bị đơn anh S có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 18/3/2022 nguyên đơn chị Lê Thị Hồng T trình bày:

Chị và anh S cưới nhau vào năm 2010, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã B, huyện Ba Tri vào ngày 28/7/2010. Sau khi cưới vợ chồng chung sống hạnh phúc có được 01 con chung là Bùi Lê Cẩm T1, sinh ngày 16/7/2012, đến năm 2021 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống do anh S còn quá đam mê chơi cờ, không lo làm ăn, chị đã khuyên bảo nhiều lần nhưng anh S không thay đổi nên làm tình cảm vợ chồng rạn nứt, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, không thể hòa giải được nên vợ chồng đã ly thân từ đó từ tháng 11/

2021 đến nay. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn nên chị xin ly hôn với anh S.

Về con chung: Trong thời gian chung sống chị và anh S có 01 con chung là Bùi Lê Cẩm T1, sinh ngày 16/7/2012, hiện con chung đang do chị nuôi dưỡng. Khi ly hôn, chị xin nuôi con chung, chị không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 05/5/2022 bị đơn anh Bùi Thành S trình bày: anh và chị T chung sống với nhau vào năm 2010, có đăng ký kết hôn tại UBND xã B. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được 10 năm thì xảy ra mâu thuẫn do chị T có mối quan hệ với người khác nên vợ chồng thường xuyên cự cãi, anh đã cố gắng hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng chị T vẫn cương quyết xin ly hôn nên anh cũng đồng ý ly hôn. Trong thời gian chung sống vợ chồng có 01 con chung là Bùi Lê Cẩm T1, sinh ngày 16/7/2012. Khi ly hôn anh đồng ý giao con chung cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng, anh không cấp dưỡng nuôi con. Vợ chồng chung sống với nhau không có tài sản chung và cũng không có nợ chung. Vì công việc anh yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Qua nghiên cứu hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa thấy rằng Thẩm phán đã tuân thủ và tiến hành đầy đủ trình tự, thủ tục tố tụng; thành viên Hội đồng xét xử thể hiện sự vô tư khách quan, độc lập khi xét xử; các đương sự thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật. Do đó, vụ án được đưa ra xét xử là đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung:

Đề nghị HĐXX áp dụng các điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T đối với anh S. Về con chung: trong thời gian chung sống vợ chồng anh chị có 01 con chung là Bùi Lê Cẩm T1, sinh ngày 16/7/2012. Khi ly hôn chị T yêu cầu tiếp tục nuôi con chung, không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con. Anh S cũng đồng ý và con chung cũng có nguyện vọng xin được sống chung với chị T nên đề nghị chấp nhận yêu cầu xin nuôi con của chị T. Tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu toàn bộ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và thẩm tra công khai các chứng cứ tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

Về thủ tục: tại phiên toà, nguyên đơn, bị đơn vắng mặt nhưng có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt nên căn cứ quy định tại các điều 227, 228 BLTTDS Tòa án xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

Về nội dung:

[1] Về hôn nhân: chị Lê Thị Hồng T và anh Bùi Thành S cưới nhau vào năm 2010, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã B, huyện Ba Tri vào ngày 28/7/2010. Do đó, hôn nhân của chị T và anh S là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận. Trong thời gian chung sống, vợ chồng có nhiều bất đồng quan điểm sống nên thường xuyên mâu thuẫn cãi vã nhau, dẫn đến cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, trong thời gian ly thân thì hai bên cũng không thể hòa giải hàn gắn được. Nay chị T xác định không còn tình cảm và không thể hàn gắn nên chị T yêu cầu xin ly hôn với anh S và anh S cũng xác định tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn nên anh cũng đồng ý ly hôn với chị T. Do đó, Hội đồng xét xử thấy rằng tình trạng hôn nhân của chị T và anh S đã mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên yêu cầu ly hôn của chị T là có căn cứ, phù hợp với quy định khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình nên được Hội đồng xét xử chấp nhận

[2] Về con chung: trong thời gian chung sống chị T và anh S có 01 con chung là Bùi Lê Cẩm T1, sinh ngày 16/7/2012, hiện con chung đang do chị T nuôi dưỡng. Khi ly hôn, chị T xin nuôi con chung, chị không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con chung, anh S cũng đồng ý để con chung cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng, anh không cấp dưỡng. Tại biên bản lấy ý kiến ngày 09/5/2022 cháu T1 có ý kiến được tiếp tục sống chung với mẹ là chị T nên xin yêu cầu chị T có căn cứ phù hợp quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình nên HĐXX chấp nhận.

[3] Về tài sản chung: không có

[4] Về nợ chung: không có.

[5] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân huyện Ba Tri là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[6] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng), nguyên đơn chị T phải nộp theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56, Điều 59, 81, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Lê Thị Hồng T đối với anh Bùi Thành S.

2. Về con chung: Giao con chung Bùi Lê Cẩm T1, sinh ngày 16/7/2012 cho chị Lê Thị Hồng T được quyền tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Ghi nhận chị T tự nguyện không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh S có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở. Trường hợp anh S lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì chị T có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con. Vì lợi ích của con, hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp của con và cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung : Không có.

4. Về nợ chung: Không có.

5. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng), nguyên đơn chị Thy phải nộp. Chị T được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (ba trăm ngàn đồng), theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0003968 ngày 18/3/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ba Tri. Án phí hôn nhân chị T đã nộp xong

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Báo cho nguyên đơn, bị đơn biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tròn kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt niêm yết hợp lệ, để yêu cầu Tòa án tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- VKSND huyện;
- Các đương sự;
- Chi cục THA huyện;
- UBND xã B;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Đặng Mộng Tuyền